

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 79/2017/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 25 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định cơ chế quản lý, điều hành
ngân sách nhà nước năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 19/6/2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 132/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;
Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cơ chế quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2018.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05/01/2018. Bãi bỏ Quyết định số 79/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về cơ chế quản lý điều hành ngân sách năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Đường

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
CƠ CHẾ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 79/2017/QĐ-UBND ngày 25/12/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

Chương I
CƠ CHẾ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THU NGÂN SÁCH

Điều 1. Giao dự toán thu ngân sách

Căn cứ vào dự toán thu ngân sách đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn và Quyết định phân bổ dự toán ngân sách của Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Thuế cùng với Sở Tài chính và các ngành có liên quan thông báo dự toán thu ngân sách chi tiết cho các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị (bao gồm cả phí, lệ phí).

Điều 2. Quản lý thu ngân sách

1. Sau khi giao dự toán thu, ngành Thuế chủ trì phối hợp với các cấp, các ngành chức năng tổ chức triển khai nhiệm vụ thu ngân sách và chống thất thu thuế, xử lý nợ đọng thuế và các chế độ, chính sách thu khác có liên quan.

2. Các khoản thu từ phí, lệ phí phải sử dụng biên lai thu do ngành Thuế quản lý. Đối với những khoản thu ngoài thuế phải sử dụng biên lai do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 về việc ban hành chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã, Thông tư số 146/2011/TT-BTC ngày 26/10/2011 Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Ngân sách và Tài chính xã ban hành kèm theo Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hiện hành khác.

Việc quản lý thu, sử dụng phí và lệ phí thực hiện theo đúng quy định của Luật phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí, lệ phí phải thực hiện nộp phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và Lệ phí. Phải lập dự toán thu từng loại phí, lệ phí, chi tiết tổng số thu, số nộp ngân sách, số được khấu trừ và trích lại theo quy định của pháp luật, chi tiết từng loại phí, lệ phí và chi ngân sách của cơ quan, đơn vị theo lĩnh vực, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp tổng hợp, gửi cơ quan tài chính tổng hợp chung trong dự toán thu, chi ngân sách nhà nước cùng cấp. Cụ thể:

- Đối với thu lệ phí: Các cơ quan, đơn vị được giao thu lệ phí thực hiện nộp đầy đủ, kịp thời toàn bộ tiền lệ phí thu được vào ngân sách Nhà nước. Giao cơ quan tài chính trình cấp có thẩm quyền quyết định bố trí kinh phí trang trải cho

việc thu lệ phí từ ngân sách nhà nước trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Đối với thu phí: Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan, đơn vị thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp các cơ quan, đơn vị không được giao dự toán thu phí thì số thu phí trong năm phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước. Giao cơ quan tài chính trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí trang trải cho việc thu phí từ ngân sách nhà nước cho tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước được pháp luật quy định.

3. Các khoản thu xử phạt vi phạm hành chính, tịch thu hành chính của các cơ quan, đơn vị thực hiện theo các thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 153/2013/TT-BTC ngày 31/10/2013 và số 105/2014/TT-BTC ngày 07/8/2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 153/2013/TT-BTC ngày 31/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục thu, nộp tiền phạt, biên lai thu phạt và kinh phí từ NSNN đảm bảo hoạt động của các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính, số 173/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013 về Hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính đều phải nộp vào NSNN 100% và điều tiết theo phân cấp quản lý thu.

4. Tiền sử dụng đất, phần nộp NSNN theo quy định hiện hành, được điều tiết và phân chia cho các cấp ngân sách theo quy định. Ngân sách các cấp sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất được hưởng để chi: Quỹ địa chính (đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng giá đất) và quy hoạch đô thị; chi thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới; đối ứng các dự án; bổ sung nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản (kể cả chi đền bù giải phóng mặt bằng); trả tạm ứng Kho bạc nhà nước; trả nợ gốc và lãi vay Ngân hàng phát triển, Ngân hàng Đầu tư và phát triển; trả nợ vốn vay ưu đãi thực hiện kiên cố hóa kênh mương và các công trình thủy lợi, xây dựng đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng làng nghề và nuôi trồng thủy sản, trả nợ mua xi măng làm đường giao thông nông thôn. Trong đó, phải đảm bảo cơ cấu nguồn vốn chi đầu tư phát triển đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ.

Thực hiện Thông tư số 188/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tiêu thức phân cấp nguồn thu và phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương, đối với những khoản thu trên một địa bàn có cùng mã số chương, mã số ngành, mã số nội dung kinh tế, chỉ thực hiện duy nhất một tỷ lệ điều tiết.

Vì vậy, tiền sử dụng đất năm 2018 thuộc địa bàn thành phố Vinh và thị xã Cửa Lò, Kho bạc nhà nước tiếp tục thực hiện điều tiết về ngân sách tỉnh 100%, sau đó định kỳ, giao Sở Tài chính căn cứ vào đề nghị của UBND thành phố Vinh và UBND thị xã Cửa Lò cấp lại cho ngân sách thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò và ngân sách các phường, xã hưởng theo tỷ lệ quy định. Đối với các huyện và thị xã khác còn lại, khi phát sinh tiền sử dụng đất đô thị, đất các dự án bất động sản nhưng không xác định đầu tư trở lại cho công trình cụ thể nộp ngân sách nhà nước, Cục Thuế Nghệ An chỉ đạo các Chi cục Thuế phối hợp với Kho bạc nhà nước điều tiết 100% về ngân sách tỉnh. Sau đó, định kỳ giao Sở Tài chính căn cứ vào đề nghị của UBND các huyện, thị xã cấp lại phần ngân sách cấp huyện, cấp xã hưởng theo tỷ lệ quy định.

Đối với chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng quy hoạch đấu giá đất ở dân cư (sau đây gọi là tiền đầu tư hạ tầng) mà Chủ đầu tư ứng trước chi trả xây dựng hạ tầng theo quy hoạch, thực hiện ghi thu tiền sử dụng đất, ghi chi tiền đầu tư hạ tầng. Tiền sử dụng đất ghi thu được điều tiết như sau:

- Các khu đất do UBND huyện, thành phố, thị xã thực hiện quy hoạch đấu giá: ngân sách huyện, thành phố, thị xã hưởng 100%;
- Các khu đất do UBND xã, phường, thị trấn thực hiện quy hoạch đấu giá: ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng 100%.

Giao Sở Tài chính hướng dẫn việc ghi thu tiền sử dụng đất, ghi chi tiền đầu tư hạ tầng.

5. Các cơ quan được giao nhiệm vụ thu, đặc biệt là cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan phải thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Kho bạc nhà nước tổ chức quản lý, tập trung nguồn thu vào NSNN, thực hiện công tác kiểm tra, đối chiếu đảm bảo tất cả các nguồn thu ngân sách phải được tập trung đầy đủ, kịp thời vào quỹ NSNN theo đúng các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 328/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và số 184/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 Quy định thủ tục về kê khai, bảo lãnh tiền thuế, thu nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác, đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

Các ngành, các cấp, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cần có kế hoạch và biện pháp phấn đấu phát triển sản xuất kinh doanh để tăng thu ngân sách và phải có giải pháp tích cực thực hiện ngay từ những tháng đầu, quý đầu của năm 2018.

6. Các khoản thu đã phân cấp cho ngân sách cấp nào thì phần thu vượt ngân sách cấp đó được hưởng theo tỷ lệ điều tiết cho ngân sách cấp đó và được sử dụng theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện Luật phí và lệ phí, các dịch vụ chuyển từ chính sách phí, lệ phí chuyển sang cơ chế giá thị trường (phí chợ, phí vệ sinh...) và Quyết định số 72/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quy trình chuyển đổi mô hình tổ chức, quản lý, khai thác, kinh doanh chợ trên địa bàn Nghệ An, UBND các huyện, thành phố, thị xã, các xã, phường, thị trấn tiếp tục thực hiện chuyển đổi mô hình từ Ban quản lý, tổ quản lý sang mô hình doanh nghiệp (thành lập doanh nghiệp), hợp tác xã (thành lập theo Luật Hợp tác xã) để kinh doanh, khai thác và quản lý; chấp hành nghĩa vụ nộp các khoản thu thuế theo quy định của Luật thuế.

8. Các khoản thu ngân sách thực hiện điều tiết theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020 và Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung Điều 5 quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các Quyết định số 77/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 và số 63/2017/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Để việc hạch toán tỷ lệ phân chia các khoản thu trên địa bàn tỉnh Nghệ An phù hợp với hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc nhà nước (Tabmis): đối với các khoản thu (thuế bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và khai thác khoáng sản; thu cấp quyền khai thác khoáng sản; ...) phát sinh và nộp ngân sách tại Kho bạc nhà nước Nghệ An sẽ thực hiện điều tiết 100% về ngân sách tỉnh. Định kỳ, giao Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan cấp lại cho ngân sách các huyện, thành phố, thị xã, ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng theo tỷ lệ quy định.

Điều 3. Các khoản huy động đóng góp của nhân dân

1. Tất cả các khoản huy động, quyên góp, đóng góp chỉ được thực hiện theo quy định của nhà nước và phải được cấp có thẩm quyền cho phép bằng văn bản, ngoài ra không được huy động dưới bất cứ hình thức nào. Nếu cấp nào, cơ quan, cá nhân nào quyết định và thực hiện thu không đúng thẩm quyền sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu đóng góp của nhân dân để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phải sử dụng biên lai thu tiền theo quy định tại Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã. Việc tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, phường, thị trấn thực hiện theo Pháp lệnh dân chủ cơ sở ở xã, phường,

thị trấn; Nghị định số 24/1999/NĐ-CP ngày 16/4/1999 của Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, thị trấn. Ủy ban nhân dân cấp xã lập phương án huy động xin ý kiến cấp ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thống nhất chủ trương, giải pháp trước khi tổ chức thực hiện. Quá trình huy động đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng tại xã, phường, thị trấn phải được công khai tài chính theo quy định tại Điều 17 của Quy định này.

3. Đối với các quỹ thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành, cụ thể:

a) Quỹ Bảo trợ trẻ em thực hiện theo Thông tư số 87/2008/TT-BTC ngày 08/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng Quỹ bảo trợ trẻ em;

b) Quỹ Đền ơn đáp nghĩa thực hiện theo Nghị định số 45/2006/NĐ-CP ngày 28/4/2006 của Chính phủ ban hành Điều lệ quản lý và sử dụng Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 31/01/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành quy chế hoạt động của Ban quản lý và sử dụng Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" tỉnh Nghệ An;

c) Quỹ Phòng, chống thiên tai thực hiện theo Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về quy định thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chương II

CƠ CHẾ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CHI NGÂN SÁCH

Điều 4. Giao dự toán chi ngân sách

Căn cứ vào dự toán chi ngân sách đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn và Quyết định phân bổ dự toán ngân sách của Ủy ban nhân dân tỉnh, ủy quyền cho Sở Tài chính và các ngành có liên quan thông báo dự toán chi ngân sách cho các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị trực thuộc.

Điều 5. Nguyên tắc ban hành các cơ chế, chính sách của địa phương (theo thẩm quyền) liên quan đến chi ngân sách

1. Việc ban hành và thực hiện các cơ chế, chính sách của địa phương liên quan đến chi ngân sách phải dựa trên cơ sở chính sách, chế độ chung của nhà nước, phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách, thời gian ban hành chính sách phải phù hợp với thời gian xây dựng, điều chỉnh dự toán ngân sách.

2. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm. Cơ chế chính sách liên quan đến ngành nào thì giao ngành đó chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính (nếu bố trí trong nguồn chi thường xuyên), phối hợp với Sở Kế hoạch và

Đầu tư (nếu bố trí trong nguồn chi đầu tư xây dựng cơ bản) thẩm định về mức độ đảm bảo nguồn chi, chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành khi xác định cân đối được nguồn lực đảm bảo tính khả thi. Đối với các cơ chế, chính sách do cấp huyện ban hành thì ngân sách cấp huyện phải đảm bảo, giao Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chủ trì, phối hợp với các phòng ban chức năng thẩm định, tham mưu.

3. Trường hợp cần thiết ban hành chính sách (ngoài các chế độ, tiêu chuẩn do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương ban hành) để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, cần tính toán để phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp theo quy định.

Điều 6. Chi đầu tư phát triển

1. Nguồn vốn chi đầu tư phát triển

a) Nguồn vốn chi đầu tư phát triển của ngân sách tỉnh

- Vốn đầu tư phát triển tập trung do Nhà nước phân bổ từ ngân sách Trung ương (bao gồm vốn trong nước và vốn ngoài nước);

- Tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh hưởng ưu tiên để chi trả nợ gốc, trả phí và lãi vay đầu tư, chi bồi thường giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng cơ bản (sau đây viết tắt là XD CB);

- Vốn đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia và Chương trình bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương;

- Nguồn thu từ Xổ số kiến thiết;

- Huy động của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của Chính phủ;

- Viện trợ không hoàn lại, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh để đầu tư xây dựng cơ bản;

- Các khoản vay để đầu tư thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 7 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

- Các nguồn vốn khác (nếu có) theo chế độ quy định.

b) Nguồn vốn chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp huyện

- Tiền sử dụng đất được hưởng theo tỷ lệ phân chia;

- Hỗ trợ đầu tư XD CB từ ngân sách cấp trên;

- Viện trợ không hoàn lại, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện để đầu tư xây dựng cơ bản;

- Các nguồn vốn khác (nếu có) theo chế độ quy định.

c) Nguồn vốn chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp xã

- Tiền sử dụng đất được hưởng theo tỷ lệ phân chia;

- Hỗ trợ đầu tư XDCH từ ngân sách cấp trên;
- Viện trợ không hoàn lại, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp xã để đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các nguồn vốn khác (nếu có) theo chế độ quy định.

d) Vốn đầu tư XDCH của cấp huyện và cấp xã, phần được để lại tiền sử dụng đất theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh phải ưu tiên bố trí thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới (theo quy định tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ), chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp, kiên cố hoá kênh mương thuỷ lợi, giao thông nông thôn (kể cả phần để trả nợ tiền vay về kiên cố hoá kênh mương, giao thông nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng làng nghề và nuôi trồng thuỷ sản, trả nợ vay các nhà máy xi măng), trả nợ khối lượng XDCH trong kế hoạch đã hoàn thành của cấp huyện và cấp xã, bố trí vốn cho lĩnh vực Giáo dục đào tạo và ứng dụng tiến bộ Khoa học và công nghệ để nâng cao năng suất cây trồng (mía, chè, cam, chanh leo,...).

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã dành tối thiểu 50% tiền sử dụng đất phần ngân sách cấp huyện hưởng để hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 6076/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016-2020.

2. Quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư XDCH

a) Quản lý, thanh toán vốn đầu tư XDCH

- Quản lý, thanh toán vốn đầu tư tập trung: Quản lý thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thực hiện theo Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 và Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành;

- Quản lý thanh toán vốn đầu tư bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ: Thực hiện theo Thông tư số 231/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án đầu tư sử dụng nguồn Trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012- 2015 và các văn bản khác của Trung ương;

- Quản lý vốn chương trình mục tiêu Quốc gia: Thực hiện theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, các quyết

định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từng Chương trình MTQG và Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

- Quản lý các dự án thực hiện Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng: Thực hiện theo Thông tư số 85/2014/TT-BTC ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

- Quản lý tạm ứng vốn Kho bạc nhà nước thực hiện theo Thông tư số 30/2017/TT-BTC ngày 18/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách Nhà nước;

- Chế độ báo cáo: thực hiện theo các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 82/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công và số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 quy định việc quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm.

b) Quyết toán vốn đầu tư XD CB

Quyết toán vốn đầu tư thực hiện trong năm kế hoạch thực hiện theo các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước, số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 quy định việc quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm.

c) Quyết toán dự án hoàn thành

Tất cả các dự án đầu tư sử dụng vốn Ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của các Tổng công ty nhà nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng đều phải quyết toán vốn đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt ngay sau khi công trình hoàn thành theo đúng quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 25/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước và Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh

Nghệ An, Công văn số 13496/BTC-ĐT ngày 09/10/2017 của Bộ Tài chính về việc xử lý dứt điểm tình trạng tồn đọng quyết toán các dự án hoàn thành từ năm 2005 đến năm 2014 do không đủ hồ sơ quyết toán.

Thực hiện chế tài xử lý vi phạm theo quy định Chỉ thị số 27/CT-TTg và Quyết định số 1738/QĐ-UBND trong quyết toán dự án hoàn thành đối với các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu thi công theo danh sách công bố công khai của Ủy ban nhân dân tỉnh, như: Không giao dự án mới cho chủ đầu tư, ban quản lý dự án có dự án nộp chậm từ 24 tháng trở lên theo quy định về thời gian lập báo cáo quyết toán; không bố trí kế hoạch vốn để thanh toán số vốn còn thiếu các dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 12 tháng trở lên; không cho phép nhà thầu đang có hợp đồng vi phạm quy định về thời gian lập báo cáo quyết toán tham gia đấu thầu dự án mới; đưa nội dung công tác quyết toán dự án hoàn thành làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét thi đua, khen thưởng; tạm thời đình chỉ công tác Trưởng ban và Kế toán trưởng Ban quản lý dự án để tập trung vào lập báo cáo quyết toán công trình hoàn thành,...

Đến tháng 10 năm 2018, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Thông báo danh sách các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, Nhà thầu vi phạm quy định trong việc quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

d) Khắc phục, xử lý tình trạng nợ đọng XD CB trên địa bàn

Thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 63/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020 tỉnh Nghệ An, các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng XD CB tại địa phương, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng XD CB từ nguồn NSNN, Trái phiếu Chính phủ và Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 về tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước, Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng XD CB nguồn vốn đầu tư công; Chỉ thị số 25/CT-UBND ngày 25/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng XD CB trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Các ngành, các cấp rà soát, nắm chắc tình hình nợ đọng XD CB của đơn vị mình. Tăng cường chấn chỉnh tình trạng phát sinh nợ đọng sau ngày 31/12/2014. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm ưu tiên bố trí trả nợ

theo kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt. UBND các huyện, thành, thị, xã, phường, thị trấn bố trí nguồn vốn trả nợ các dự án do huyện, xã quản lý và các dự án tỉnh quản lý nhưng có phần đối ứng ngân sách huyện, xã theo cơ cấu nguồn vốn đã được phê duyệt tại quyết định đầu tư dự án. Đồng thời có trách nhiệm huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thanh toán nợ phát sinh sau ngày 31/12/2014 theo quy định của Luật đầu tư công.

Các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh phải được Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi phê duyệt dự án.

đ) Để triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn, ngân sách tỉnh chỉ hỗ trợ các dự án đầu tư khi đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Phù hợp với quy hoạch phát triển KT-XH và quy hoạch phát triển ngành đã được phê duyệt; khả năng cân đối vốn ngân sách địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; phù hợp với kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020;

- Có quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án (trừ dự án khẩn cấp nhằm khắc phục kịp thời sự cố thiên tai và các trường hợp bất khả kháng khác), trong đó xác định rõ từng nguồn vốn và khả năng huy động các nguồn vốn khác đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn đầu tư. Khi cần thiết phải kèm theo văn bản cam kết phần vốn cân đối của ngành và địa phương cho dự án.

Điều 7. Chi các sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá thông tin, thể dục thể thao, du lịch, phát thanh truyền hình, lao động thương binh và xã hội, khoa học và công nghệ

1. Nguyên tắc chung

a) Đối với ngân sách cấp tỉnh: Căn cứ vào thông báo dự toán chi ngân sách của Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp I tiến hành phân bổ và giao dự toán chi ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc (sau khi thống nhất với Sở Tài chính) đảm bảo khớp đúng dự toán được cấp thẩm quyền giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực;

b) Đối với ngân sách cấp huyện: Dự toán chi ngân sách của các huyện, thành phố, thị xã được ghi rõ chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề và chi sự nghiệp y tế. Các huyện, thành phố, thị xã không được bố trí các khoản chi này thấp hơn số Sở Tài chính thông báo;

c) Đối với kinh phí chưa phân bổ: Được sử dụng để chi cho các nhiệm vụ mà đầu năm chưa đủ điều kiện để phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị. Khi phát sinh nhiệm vụ chi, các đơn vị, các ngành tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ. Sau khi có quyết định của UBND tỉnh, Sở Tài chính giao bổ sung dự toán cho các đơn vị;

d) Đối với khoản kinh phí sự nghiệp ngành: các ngành chủ động dự kiến phương án phân bổ 70% kinh phí sự nghiệp ngành được giao, gửi Sở Tài chính trước

ngày 31/01/2018. Sở Tài chính thông báo ngay từ đầu năm để ngành triển khai thực hiện. Việc phân bổ phải bao quát hết các nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên có tính chất sự nghiệp ngành trong năm. Không sử dụng sự nghiệp ngành để bổ sung kinh phí cho các hoạt động mà theo quy định chức năng, nhiệm vụ đơn vị phải thực hiện và nằm trong định mức chi hành chính đã giao. Căn cứ dự kiến phân bổ kinh phí sự nghiệp ngành đã thống nhất với Sở Tài chính, căn cứ tiến độ thực hiện nhiệm vụ chi và chế độ chính sách chi hiện hành, các ngành giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc sử dụng. Trong năm, nếu có phát sinh ngoài dự kiến đầu năm thì các ngành chủ động sắp xếp lại nguồn sự nghiệp ngành (bao gồm cả phần 70% đã phân bổ và phần 30% chưa phân bổ) để đảm bảo, gửi Sở Tài chính thống nhất phương án phân bổ lại. Trường hợp thật đặc biệt không thể sắp xếp được, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chi, Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

đ) Các ngành chủ quản, các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động thu chi tài chính tại các đơn vị trực thuộc đảm bảo đúng chế độ, đúng mục đích và có hiệu quả;

e) Công tác thẩm tra và xét duyệt quyết toán thực hiện theo đúng các văn bản của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thông báo quyết toán năm đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp.

g) Trong điều hành ngân sách năm 2018: giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành, các đơn vị có liên quan tính toán, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án giảm trừ phần NSNN hỗ trợ chi thường xuyên các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên theo lộ trình điều chỉnh học phí theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, Nghị quyết 53/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh, đơn vị sự nghiệp y tế công lập làm nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh, đối với các khoản chi được kết cấu trong giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và khả năng tự đảm bảo chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp đối với các đơn vị. Tiếp tục xem xét, giảm trừ khoản hỗ trợ quỹ lương khối khám chữa bệnh do kết quả thu được phần tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính và Nghị quyết HĐND tỉnh.

2. Chi sự nghiệp giáo dục

a) Đối với các khoản chi sự nghiệp giáo dục cấp tỉnh

Căn cứ dự toán được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và thông báo của Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc và thông báo công khai để các đơn vị biết. Sở Tài chính phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, giám sát chặt chẽ các khoản thu chi tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác thẩm tra xét duyệt quyết toán hàng năm theo chế độ quy định.

b) Đối với sự nghiệp giáo dục cấp huyện

- Trên cơ sở dự toán tỉnh giao, Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã giao Trưởng phòng Giáo dục phối hợp Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch lập dự toán chi tiết cho các cấp học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung tâm dạy nghề, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và phòng Giáo dục). Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu UBND cấp huyện phân bổ kinh phí và quyết định giao dự toán cho các trường trung học phổ thông, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

- Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cụ thể các nội dung chi sự nghiệp giáo dục trong dự toán đã giao cho các huyện, thành phố, thị xã.

c) Một số khoản chi thực hiện như sau:

- Chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức ở miền xuôi lên công tác tại miền núi thực hiện theo Quyết định số 08/2010/QĐ-UB ngày 20/01/2010 của UBND tỉnh về việc Quy định một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức là người miền xuôi lên công tác tại vùng cao tỉnh Nghệ An;

- Chi khen thưởng giáo viên giỏi và học sinh giỏi đạt thành tích cao thực hiện theo quy định hiện hành;

- Chính sách đối với giáo viên không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thực hiện theo Quyết định số 86/2007/QĐ-UBND ngày 20/7/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định đánh giá xếp loại giáo viên và chính sách cho giáo viên không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ;

- Kinh phí hỗ trợ trường đạt chuẩn Quốc gia theo Quyết định số 4954/QĐ-UBND.VX ngày 16/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Chế độ đối với giáo viên đi học nâng cao trình độ thực hiện theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy định về lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Các chế độ quy định tại Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ và Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/2/2013 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công

tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 28/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo;

- Học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên thực hiện theo Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư liên tịch số 23/2008/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 28/4/2008 của Liên bộ Giáo dục và Đào tạo - Lao động Thương binh và Xã hội - Tài chính; Thông tư số 14/2016/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 05/5/2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Lao động-Thương binh và Xã hội, Tài chính sửa đổi, bổ sung mục iii của Thông tư liên tịch số 23/2008/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 28/4/2008 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Lao động-Thương binh và Xã hội, Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Học bổng đối với học sinh dân tộc thiểu số học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú thực hiện theo Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách đối với học sinh sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường Trung học phổ thông nội trú và trường dự bị đại học, Thông tư liên tịch số 43/2007/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 02/5/2007 và Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGD&ĐT ngày 25/5/2009 của Liên bộ Tài chính - Giáo dục và Đào tạo;

- Chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người thực hiện theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ;

- Chế độ thẻ dự thể thao thực hiện theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chế độ chi trả cho giáo viên dạy môn giáo dục Quốc phòng theo Thông tư số 15/2015/TTLT-BGD&ĐT-BLĐTBXH-BQP-BCA-BNC-BTC ngày 16/7/2015;

- Ngân sách tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ chế độ tiền lương và các chế độ khác cho giáo viên mầm non hợp đồng theo Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BGDĐT-BTC-BNV ngày 11/03/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo quy định tại Quyết định 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015;

- Kinh phí thực hiện chế độ thâm niên đối với nhà giáo theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo;

- Kinh phí dạy học 02 buổi/ngày tại các trường phổ thông dân tộc nội trú thực hiện theo Quyết định 5671/QĐ-UBND.VX ngày 02/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3, 4, 5 tuổi theo Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2010 và Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 2417/TTg-KGVX ngày 31/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc kéo dài việc thực hiện một số chính sách đối với trẻ em và giáo viên mầm non;

- Chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn thực hiện theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ và Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khoảng cách, địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Chính sách hỗ trợ giáo dục đối với người khuyết tật thực hiện theo quy định tại Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật, Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính và Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định danh mục nghề và mức chi hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Chính sách về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ và Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Chính sách miễn học phí đối với giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện theo Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 09/6/2017 của Chính phủ tại phiên họp thường kỳ tháng 7 năm 2017;

- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chính sách hỗ trợ phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trong đó ưu tiên người khuyết tật và các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính.

- Một số chế độ thực hiện mang tính chất đặc thù đã được bố trí kinh phí trong dự toán: Kinh phí kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia; chế độ công tác phí cho các giáo viên được điều động đi tập huấn mô hình trường học mới trung học cơ sở; chế độ công tác phí cho cộng tác viên thanh tra thuộc các trường Trung học phổ thông và trung tâm Giáo dục thường xuyên (có quyết định phê duyệt của Sở Giáo dục và Đào tạo).

d) Tất cả các khoản thu, chi từ nguồn thu học phí (bao gồm cả kinh phí miễn, giảm học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021 do ngân sách cấp bù) và các khoản thu khác (nếu có), thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Kinh phí đào tạo và dạy nghề

a) Đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo khác được cân đối trong dự toán ngân sách tỉnh. Kinh phí đào tạo không bố trí đối với học đại học tại chức theo nghiệp vụ chuyên môn để chuẩn hoá cán bộ, người đi học phải tự túc hoàn toàn kinh phí.

b) Một số khoản chi thực hiện như sau

- Kinh phí đào tạo và đào tạo lại để nâng cao trình độ cán bộ, công chức thực hiện theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính và Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Kinh phí đào tạo của ngân sách cấp huyện đã được bố trí để chi hoạt động của Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, các Trường Trung cấp Kinh tế kỹ thuật thuộc cấp huyện quản lý; chi đào tạo và đào tạo lại cán bộ, công chức. Đối với các huyện miền núi và các huyện có xã miền núi đã bao gồm kinh phí tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Đối với kinh phí mở các lớp dạy sơ cấp và trung cấp nghề thuộc cấp huyện quản lý: Căn cứ chỉ tiêu dạy nghề tỉnh giao được ngân sách hỗ trợ, các đơn vị lập dự toán chi tiết của từng lớp học kèm theo hồ sơ mở lớp gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung kinh phí cho các đơn vị.

- Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn được bố trí riêng để đối ứng kinh phí sự nghiệp theo đề án thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2020”. Giao cho Sở Lao động, Thương binh và xã hội tổng hợp, gửi Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ để thực hiện.

- Kinh phí thực hiện một số chính sách đã bố trí trong dự toán các trường cấp tỉnh, cấp bổ sung mục tiêu qua ngân sách cấp huyện:

+ Chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Chính sách về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ và Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

c) Tất cả các khoản thu, chi từ nguồn thu học phí (bao gồm cả kinh phí miễn, giảm học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 do ngân sách cấp bù) và các khoản thu khác (nếu có), thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Chi sự nghiệp y tế

a) Đối với các khoản chi sự nghiệp y tế cấp tỉnh

Căn cứ dự toán được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và thông báo của Sở Tài chính, Sở Y tế phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc (bao gồm cả 07 bệnh viện đa khoa cấp huyện chuyển về tỉnh quản lý). Sở Tài chính phối hợp với Sở Y tế kiểm tra giám sát chặt chẽ các khoản thu chi tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác thẩm tra xét duyệt quyết toán hàng năm theo chế độ quy định.

Kinh phí cho cán bộ chuyên trách dân số - kế hoạch hoá gia đình ở xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 77/2012/QĐ-UBND ngày 19/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bố trí cán bộ chuyên trách dân số – kế hoạch hóa gia đình xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Ngân sách tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu cho Chi cục dân số - kế hoạch hoá gia đình.

b) Đối với khoản chi sự nghiệp y tế cấp huyện

- Chi thường xuyên: Căn cứ dự toán được UBND tỉnh quyết định, hướng dẫn của Sở Tài chính, phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phân bổ kinh phí và giao dự toán cho Trung tâm y tế cấp huyện;

- Thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với bác sỹ tại các cơ sở khám chữa bệnh theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Ngân sách tỉnh đã cân đối trong ngân sách cấp huyện kinh phí chi phòng, chống dịch và vệ sinh an toàn thực phẩm. Các huyện chủ động phân bổ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ.

c) Tất cả các khoản thu, chi từ nguồn thu BHYT và các khoản thu khác (nếu có), đơn vị phải thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Đối với các khoản thu chi của các trạm y tế xã, giao Trung tâm y tế huyện theo dõi và quản lý theo đúng quy định.

d) Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập triển khai thực hiện Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và Công văn số 9033/BYT-KH-TC ngày 21/12/2016 của Bộ Y tế về thực hiện giá dịch vụ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế bao gồm cả chi phí tiền lương của một số tỉnh/thành phố (đợt 3).

đ) Kinh phí chi hỗ trợ người nghèo khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo Quyết định số 61/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành Quy định hỗ trợ một phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

5. Chi mua thẻ BHYT cho các đối tượng do ngân sách nhà nước đảm bảo

Thực hiện theo Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 của Liên bộ Bộ Y tế - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế và Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân công, phân cấp quản lý mua, cấp phát thẻ BHYT cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Chi mua thẻ BHYT cho các đối tượng được NSNN đảm bảo 100%: đã được bổ sung có mục tiêu trong dự toán ngân sách cấp huyện. Trên cơ sở báo cáo quyết toán của UBND các huyện, Sở Tài chính thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung kinh phí còn thiếu (nếu có) cho các đơn vị.

- Chi mua thẻ BHYT cho học sinh sinh viên: Căn cứ hồ sơ có liên quan, ngân sách tỉnh sẽ cấp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh;

- Chi mua thẻ BHYT cho người cận nghèo (bao gồm cả hỗ trợ của địa phương), hộ nông lâm ngư diêm nghiệp có mức sống trung bình: ngân sách tỉnh sẽ cấp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh sau khi Bộ Tài chính duyệt cấp kinh phí cho tỉnh;

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chỉ đạo, hướng dẫn và đôn đốc UBND cấp huyện thực hiện việc rà soát, thẩm định, lập danh sách các đối tượng, cấp thẻ BHYT kịp thời.

Mỗi người chỉ được tham gia BHYT theo một đối tượng. Trường hợp một người đồng thời thuộc nhiều đối tượng tham gia BHYT khác nhau quy định tại Điều 1, Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT- BTC ngày 24/11/2014 của liên bộ Bộ Y tế - Bộ Tài chính thì đóng BHYT theo đối tượng đầu tiên mà người đó được xác định theo thứ tự của các đối tượng quy định tại Điều 1 của Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT- BTC ngày 24/11/2014.

6. Chi sự nghiệp Văn hoá thông tin, Thể dục thể thao, Du lịch

a) Đối với các đơn vị thuộc ngành

Sau khi có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán ngân sách và thông báo dự toán ngân sách năm của Sở Tài chính, Sở Văn hoá - Thể thao, Sở Du lịch căn cứ dự toán được giao phân bổ dự toán tới từng đơn vị và thông báo công khai để các đơn vị biết. Sở Tài chính phối hợp với Sở Văn hoá - Thể thao, Sở Du lịch, kiểm tra giám sát chặt chẽ các khoản thu chi tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác thẩm tra xét duyệt quyết toán hàng năm theo chế độ quy định.

b) Các đơn vị trực thuộc huyện, thành phố, thị xã (cấp huyện)

Kinh phí cho hoạt động văn hoá thông tin, thể dục thể thao cấp huyện là nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện và do cấp huyện điều hành trên nguyên tắc đảm bảo kinh phí hoạt động. Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm phân bổ chi tiết dự toán chi cho hoạt động bộ máy và chi các hoạt động sự nghiệp.

7. Chi sự nghiệp Phát thanh truyền hình

a) Đối với phát thanh truyền hình tỉnh

Sau khi có quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về bố trí ngân sách và thông báo dự toán ngân sách trong năm của Sở Tài chính, Thủ trưởng đơn vị dự toán tiến hành phân bổ chi tiết các nội dung chi gửi Sở Tài chính để thẩm định và giao dự toán.

b) Các đơn vị trực thuộc huyện, thành phố, thị xã (cấp huyện)

Kinh phí cho hoạt động phát thanh truyền hình cấp huyện là nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện và do cấp huyện điều hành trên nguyên tắc đảm bảo kinh phí hoạt động. Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm phân bổ chi tiết dự toán chi cho hoạt động bộ máy và chi các hoạt động sự nghiệp.

8. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ

Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện theo các văn bản sau:

a) Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/1/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

c) Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

d) Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT/BTC-KHCN ngày 30/12/2015 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

đ) Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

e) Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

g) Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về ban hành Định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Đối với chi khoa học công nghệ cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ưu tiên bố trí kinh phí hỗ trợ triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ, trong đó ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

9. Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

Tiếp tục thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày

10/10/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác và các Nghị định hướng dẫn khác.

Các ngành, các đơn vị chủ động rà soát, báo cáo cấp thẩm quyền để chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần khi có đủ điều kiện.

Điều 8. Chi sự nghiệp kinh tế, chi trợ cước trợ giá các mặt hàng chính sách, sự nghiệp môi trường

1. Đối với cấp huyện

Các khoản chi sự nghiệp kinh tế, kiến thiết thị chính, môi trường, thuộc các huyện, thành phố, thị xã quản lý là nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện và được bố trí trong dự toán ngân sách huyện. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện có trách nhiệm phân bổ chi tiết dự toán chi theo từng nội dung (Chi kiến thiết thị chính; chi sự nghiệp môi trường; chi cho công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chi duy tu bảo dưỡng đường giao thông thuộc huyện quản lý; chi cho các đơn vị thuộc sự nghiệp kinh tế cấp huyện và chi sự nghiệp kinh tế khác), báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét để trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định.

2. Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn, thủy sản, chính sách trợ giá, trợ cước:

a) Thực hiện theo Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của HĐND tỉnh và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

b) Căn cứ quyết định phân bổ kinh phí của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính cấp phát cho các ngành, các đơn vị thuộc cấp tỉnh, cấp phát kinh phí cho các huyện, thành phố, thị xã bằng hình thức bổ sung có mục tiêu qua ngân sách huyện để quản lý và thanh quyết toán theo quy định hiện hành;

c) Ngân sách tỉnh hỗ trợ trong phạm vi kinh phí đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ. Trường hợp thực hiện vượt kế hoạch, các huyện, thành phố, thị xã, các đơn vị chịu trách nhiệm tự cân đối bổ sung từ nguồn ngân sách của mình, ngân sách tỉnh không bổ sung thêm.

3. Kinh phí trợ giá báo và các ấn phẩm của cơ quan Đảng, nhuận bút Báo Nghệ An

a) Bao gồm: trợ giá xuất bản tờ tin nội bộ (do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phát hành), Bản tin của Đảng ủy các doanh nghiệp Nghệ An, Bản tin của Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Nghệ An; kinh phí cấp báo Nhân dân, báo Nghệ An đến các đối tượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt: thực hiện theo hướng dẫn của Tỉnh ủy.

Sở Tài chính phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, căn cứ vào số lượng đối tượng được hưởng, giá thành các ấn phẩm đã được phê duyệt để phân bổ kinh phí.

b) Đối với Quỹ nhuận bút Báo Nghệ An thực hiện theo Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí và xuất bản và các văn bản hướng dẫn của Tỉnh ủy. Giao Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Sở Tài chính quyết toán kinh phí hỗ trợ quỹ nhuận bút theo nguyên tắc ngân sách hỗ trợ sau khi đã cân đối tổng các nguồn thu được bổ sung cho Quỹ nhuận bút (nguồn thu từ quảng cáo, phát hành báo,...), tiến tới lộ trình giao Báo Nghệ An tự cân đối kinh phí để hoạt động.

c) Đối với kinh phí cấp không Báo Lao động Nghệ An cho công đoàn cơ sở các xã đặc biệt khó khăn (trường học, Văn phòng UBND xã), các điểm bưu điện văn hóa xã và các doanh nghiệp có tổ chức công đoàn trên địa bàn tỉnh: Sở Tài chính thông báo kinh phí để Sở Thông tin và Truyền thông đặt mua báo cho các đối tượng nêu trên.

d) Đối với kinh phí cấp không Báo Tiền phong cho các Chi đoàn đặc biệt khó khăn 3 huyện theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP: Sở Tài chính thông báo kinh phí để Tỉnh đoàn Nghệ An đặt mua báo cho các Chi đoàn đặc biệt khó khăn của 3 huyện Tương Dương, Kỳ Sơn và Quế Phong.

4. Chi thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo, Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về một số cơ chế chính sách hỗ trợ giảm nghèo đối với các xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 30% trở lên ngoài Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016 - 2020.

- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo được bố trí trong Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016- 2020 và được phê duyệt tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Quản lý và điều hành theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Về chính sách luân chuyển, tăng cường cán bộ chủ chốt cho các xã thuộc 3 huyện nghèo và chính sách ưu đãi, khuyến khích thu hút tri thức trẻ, cán bộ chuyên môn kỹ thuật về tham gia tổ công tác tại các xã thuộc 3 huyện nghèo thuộc Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008: thực hiện theo Quyết định số 70/2009/QĐ-TTg ngày 27/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

- Đối với các xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 30% trở lên ngoài Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016 – 2020 thực hiện theo Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Chi cho công tác quy hoạch

Chỉ cho công tác quy hoạch thực hiện theo quy định tại Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 và Thông tư số 24/2008/TT-BTC ngày 14/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch (bao gồm cả ngân sách địa phương và ngân sách Trung ương bổ sung). Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư phân bổ nguồn vốn chi quy hoạch đã được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp kinh tế, kết hợp chặt chẽ với việc phân bổ nguồn vốn chi chuẩn bị đầu tư đã bố trí trong dự toán chi đầu tư XD CB.

6. Chi sự nghiệp môi trường

a) Đối với các khoản chi sự nghiệp môi trường cấp tỉnh

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về bố trí ngân sách và thông báo dự toán ngân sách trong năm của Sở Tài chính, kinh phí sự nghiệp môi trường thuộc ngành nào thì ngành đó căn cứ dự toán phối hợp với Sở Tài chính phân bổ chi tiết cho từng nhiệm vụ chi và đơn vị sử dụng trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định để làm căn cứ thực hiện. Trên cơ sở văn bản thẩm định của Sở Tài chính, các ngành thực hiện giao dự toán cho các đơn vị thực hiện và thông báo công khai để các đơn vị biết. Các ngành phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra giám sát chặt chẽ các khoản thu chi tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác thẩm tra xét duyệt quyết toán hàng năm theo chế độ quy định.

- Chi Quỹ bảo vệ môi trường Nghệ An theo Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 13/9/2011 của UBND tỉnh: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan quản lý, điều hành sử dụng Quỹ theo quy định tại Quyết định số 81/2012/QĐ-UBND ngày 19/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Nghệ An.

b) Đối với các khoản chi sự nghiệp môi trường cấp huyện, xã

Căn cứ dự toán được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, Sở Tài chính thông báo, Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị cấp huyện, các xã, phường, thị trấn.

c) Chi sự nghiệp môi trường thực hiện theo quy định tại Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND ngày 18/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

7. Cơ chế điều hành các khoản chi sự nghiệp kinh tế khác thuộc cấp tỉnh

a) Kinh phí xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm

Sau khi dự án xóa đói giảm nghèo được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Tài chính chuyển kinh phí kịp thời qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay. Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm cho vay theo các dự án được duyệt, đồng thời đôn đốc thu hồi các khoản cho vay đã đến hạn trả, cùng với kinh phí

ngân sách trích hàng năm tạo nên quỹ xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm của tỉnh để cho vay luân chuyển.

b) Kinh phí bổ sung các quỹ cho Công ty TNHH một thành viên hoạt động trong lĩnh vực thủy nông

Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn căn cứ dự toán chi ngân sách được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự toán thu, chi của các Công ty TNHH một thành viên hoạt động trong lĩnh vực thủy nông.

Căn cứ vào kế hoạch được duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính cấp kinh phí đến các đơn vị. Sau khi kết thúc năm, các Công ty TNHH một thành viên hoạt động trong lĩnh vực thủy nông được bổ sung các quỹ có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh doanh với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn để thẩm định quyết toán, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Kinh phí thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

Thực hiện theo các Nghị định của Chính phủ: số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí; Quyết định số 83/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các văn bản khác có liên quan.

Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT triển khai thực hiện tốt nguồn kinh phí thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và hướng dẫn thực hiện việc quản lý, cấp phát, sử dụng và thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí được hỗ trợ theo đúng quy định.

d) Kinh phí sự nghiệp giao thông

Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về bố trí ngân sách địa phương cho sự nghiệp giao thông và thông báo nguồn vốn trung ương bổ sung mục tiêu kinh phí quản lý và bảo trì đường bộ, giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết cho các đơn vị triển khai thực hiện. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán thực hiện theo Thông tư liên tịch 102/2016/TTLT-BTC-BGTVT ngày 29/6/2016 của liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp đường thủy nội địa và Thông tư số 60/2017/TT-BTC

ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ.

đ) Chi khuyến nông, khuyến lâm và khuyến ngư

- Thực hiện theo Quyết định số 162/2008/QĐ-TTg ngày 04/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến nông, khuyến ngư ở địa bàn khó khăn; Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông và Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của liên Bộ Tài chính – Bộ Nông nghiệp & PTNT hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí, ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

- Kinh phí chi trả phụ cấp cho khuyến nông viên cấp xã thực hiện theo Quyết định số 99/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về Khuyến nông viên cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An và được ngân sách tỉnh cân đối, cấp qua Trung tâm Khuyến nông tỉnh để chi trả;

Riêng kinh phí bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ khuyến nông, căn cứ vào chương trình và số lượng học viên từng lớp học, Sở Tài chính thông báo kinh phí từ nguồn đào tạo lại cán bộ cơ sở cho Trung tâm khuyến nông tỉnh (phần cấp tỉnh thực hiện) để tổ chức lớp học. Phần đào tạo cấp huyện được cân đối qua ngân sách huyện.

e) Chi khuyến công

Thực hiện theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý, sử dụng Quỹ khuyến công tỉnh Nghệ An.

g) Chi các hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường

Thực hiện theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

h) Một số cơ chế chính sách khác

- Chính sách nâng cấp bến khách, thuyền vận chuyển khách ngang sông theo Quyết định số 49/2008/QĐ-UBND ngày 29/8/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp bến khách; đóng, mua mới thuyền vận chuyển khách ngang sông trên địa bàn tỉnh Nghệ An: giao Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp đối tượng, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện;

- Chi Quỹ hỗ trợ nông dân: Giao Hội nông dân chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan quản lý, điều hành sử dụng Quỹ theo quy định;

- Chi Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã: Giao Liên minh Hợp tác xã chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan quản lý, điều hành sử dụng Quỹ theo quy định;

- Chi hỗ trợ Chương trình phát triển Hợp tác xã theo Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực của hợp tác xã, thành lập mới hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 – 2020;

- Đối với các huyện, thành phố, thị xã và các xã có quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, ngân sách tỉnh bố trí một khoản kinh phí để khen thưởng cho các, huyện, thành phố, thị xã và các xã theo Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của HĐND tỉnh và Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh Ban hành quy định về chính sách khuyến khích hỗ trợ trong xây dựng Nông thôn mới Nghệ An giai đoạn 2015-2020. UBND các huyện, thành phố, thị xã và UBND các xã thống nhất với Thường trực HĐND cùng cấp lựa chọn danh mục 01 công trình phúc lợi trên địa bàn, gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ kinh phí, thực hiện.

Điều 9. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội

1. Kinh phí chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội:

Thực hiện theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An; đối tượng TNXP hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến:

a) Đối với các trung tâm cấp bảo trợ xã hội, nhà xã hội thuộc tỉnh quản lý: đã bố trí trong dự toán chi thường xuyên của đơn vị.

b) Đối với cấp huyện: Đã bổ sung có mục tiêu qua ngân sách huyện. Ủy ban nhân dân các huyện chủ động phân bổ và chi trả kịp thời cho các đối tượng hưởng chính sách bảo trợ xã hội.

2. Thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn:

Dừng thực hiện Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn từ năm 2018. Nguồn kinh phí đã bố trí theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg sẽ được phân bổ cho các chính sách dân tộc khác theo các văn bản của Trung ương. Giao Ban dân tộc chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện.

3. Chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có

công với cách mạng về nhà ở và Quyết định số 47/2008/QĐ-UBND ngày 21/8/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh: giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Tài chính và các ngành, các cấp liên quan tổng hợp đối tượng, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện.

4. Đối với kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các Hội thực hiện theo Thông tư số 01/2011/TT-BTC ngày 06/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy định việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao; việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội; quản lý việc tiếp nhận, sử dụng các nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài cho hội, Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 10. Chỉ các chương trình mục tiêu

1. Căn cứ vào chỉ tiêu vốn chương trình mục tiêu của Trung ương giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan phân bổ chi tiết theo mục tiêu, nhiệm vụ tới các đơn vị thực hiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Căn cứ quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch chương trình mục tiêu của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Đối với nguồn vốn sự nghiệp: giao Sở Tài chính thông báo cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì quản lý chương trình. Căn cứ vào Thông báo của Giám đốc Sở Tài chính, cơ quan chủ trì quản lý chương trình tiến hành phân bổ (sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan tài chính) cho các đơn vị như sau:

- Cơ quan chủ trì quản lý chương trình thực hiện giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc trực tiếp thực hiện chương trình;

- Đối với ngân sách cấp huyện xã, các đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện xã là đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước nhưng không phải là đơn vị trực thuộc của cơ quan chủ trì quản lý chương trình thì cơ quan chủ trì quản lý chương trình đề nghị Sở Tài chính cấp qua ngân sách cấp dưới, đơn vị thực hiện chương trình;

- Đối với các đơn vị khác còn lại trực tiếp thực hiện chương trình thì cơ quan chủ trì quản lý chương trình ký hợp đồng và thanh toán giải ngân thông qua tài khoản của Văn phòng cơ quan chủ quản quản lý chương trình.

Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì quản lý chương trình thực hiện việc kiểm tra, giám sát quản lý, tổng hợp, quyết toán và báo cáo theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền

vững giai đoạn 2016 - 2020, số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Việc quản lý mã số Chương trình mục tiêu thực hiện theo đúng Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định hệ thống mục lục ngân sách Nhà nước.

b) Đối với kinh phí thực hiện Đề án xóa bỏ tệ điểm phức tạp về ma túy (do Công an tỉnh chủ trì); Đề án cai nghiện và giải quyết việc làm sau cai nghiện (do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì): đã bao gồm kinh phí thí điểm cai nghiện tại gia đình và cộng đồng, kinh phí cai nghiện của các Trung tâm giáo dục lao động xã hội: Giao các ngành chủ trì thực hiện đề án phối hợp với Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ để thực hiện.

Điều 11. Chi quốc phòng - an ninh

1. Chi quốc phòng - an ninh cấp tỉnh

a) Căn cứ dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định, uỷ quyền Giám đốc Sở Tài chính thông báo dự toán chi tới các đơn vị dự toán cấp I. Trên cơ sở nhiệm vụ chi thường xuyên theo quy định của Liên Bộ Tài chính - Quốc phòng - Công an và các quy định hiện hành khác để phân bổ kinh phí chi của các đơn vị (Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Nghệ An). Bên cạnh đó, căn cứ khả năng ngân sách địa phương, xem xét bố trí từ nguồn ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cho lực lượng quốc phòng - an ninh theo tinh thần tại Công văn số 2797/CVLT-BQP-BTC ngày 10/9/2012 của Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính về việc tăng cường hỗ trợ cho nhiệm vụ quốc phòng từ ngân sách địa phương và Công văn số 2782/CVLB-BCA-BTC ngày 24/11/2009 của Bộ Công an - Bộ Tài chính về việc tăng cường hỗ trợ cho nhiệm vụ công tác Công an từ ngân sách địa phương.

b) Kinh phí huấn luyện quân dự bị động viên hàng năm theo kế hoạch của tỉnh: ngân sách tỉnh cân đối và cấp qua Bộ chỉ huy quân sự tỉnh để chi trả.

c) Kinh phí mua trang phục dân quân tự vệ theo Luật dân quân tự vệ: cân đối và cấp qua BCH Quân sự tỉnh; Kinh phí mua trang phục công an xã theo Pháp lệnh công an xã, kinh phí mua sắm phương tiện làm việc của Công an xã theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: cân đối và cấp qua Công an tỉnh.

d) Kinh phí mua sắm dụng cụ Phòng cháy chữa cháy theo Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Cân đối và cấp qua Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy để thực hiện.

2. Chi quốc phòng - an ninh cấp huyện

Được cân đối trong dự toán ngân sách cấp huyện và do huyện chi hỗ trợ cho các hoạt động bảo đảm quốc phòng - an ninh theo phân cấp và theo chế độ quy định, bao gồm kinh phí hoạt động của các tiểu đội dân quân thường trực.

Để tăng cường công tác quản lý tài chính, ngân sách đối với các đơn vị thuộc khối quốc phòng - an ninh (kể cả đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện để hỗ trợ khối quốc phòng an ninh), giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy định kỳ tổng hợp nhu cầu đột xuất của đơn vị và các đơn vị trực thuộc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính thẩm định, xem xét khả năng cân đối ngân sách để tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Kinh phí chi trả phụ cấp Đội trưởng, đội phó dân phòng Phòng cháy chữa cháy theo Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xem xét, xử lý bổ sung kinh phí quốc phòng, an ninh cho các đơn vị trên cơ sở đề xuất của Thủ trưởng các cơ quan: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy.

3. Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 132/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2018 và các văn bản có liên quan.

Điều 12. Chi quản lý hành chính

1. Chi quản lý hành chính của cấp nào được tổng hợp vào dự toán ngân sách cấp đó. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định giao dự toán của Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo của Sở Tài chính, các ngành, các huyện phải tổ chức thực hiện theo đúng dự toán được duyệt. Kho bạc nhà nước phải kiểm soát chặt chẽ các khoản chi tiêu hành chính.

2. Cơ quan Đảng cấp nào thì dự toán chi ngân sách Đảng được cân đối vào dự toán chi ngân sách cấp đó. Cơ quan Tài chính các cấp thực hiện việc cấp phát kinh phí cho cơ quan Đảng các cấp theo quy định của Liên bộ Tài chính - Ban Tài chính quản trị Trung ương.

3. Dự toán hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp nào được cân đối vào dự toán chi ngân sách cấp đó. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân được tập hợp chung vào dự toán kinh phí của Văn phòng HĐND và UBND (riêng cấp tỉnh là Văn phòng HĐND tỉnh) để cân đối vào nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách. Chủ tịch HĐND các cấp chịu trách nhiệm điều hành nguồn kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp mình theo đúng dự toán được duyệt. Văn phòng HĐND và

UBND các cấp có trách nhiệm đảm bảo kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân theo kế hoạch trong phạm vi dự toán được giao.

Kinh phí thực hiện một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp theo Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã bố trí trong dự toán chi ngân sách các cấp.

Các khoản kinh phí phân bổ sau, dự phòng của Hội đồng nhân dân thực hiện theo thông báo của Thường trực HĐND tỉnh.

4. Kinh phí các đoàn thanh tra, kiểm tra (bao gồm cả kinh phí các đoàn giải quyết khiếu nại tố cáo); bồi dưỡng công chức thanh tra chuyên ngành đã bố trí trong dự toán NSNN năm 2018

a) Căn cứ quyết định, chủ trương thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính thẩm định dự toán và cấp kinh phí cho các đơn vị thực hiện.

b) Kinh phí bồi dưỡng công chức thanh tra chuyên ngành theo Quyết định số 12/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ: sau khi kết thúc cuộc thanh tra, trên cơ sở hồ sơ của đơn vị trình, Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính thẩm định dự toán và cấp kinh phí cho các đơn vị thực hiện.

c) Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và cả năm, giao Sở Tài chính tổng hợp số liệu đã xử lý cho các đơn vị báo cáo UBND tỉnh.

5. Thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị hành chính

a) Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với tất cả các Sở, các đơn vị hành chính cấp tỉnh; giao Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã triển khai đối với tất cả các đơn vị hành chính cấp huyện theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và các văn bản khác có liên quan;

b) Để kịp thời chi trả tiền lương, các khoản phụ cấp tăng thêm cho cán bộ, công chức khi nhà nước điều chỉnh tăng mức lương tối thiểu, trong khi ngân sách chưa cấp bổ sung kinh phí, các cơ quan, đơn vị được tạm ứng nguồn kinh phí tự chủ được giao trong dự toán để thực hiện chi trả (tạm ứng không quá 3 tháng mức tiền

lương điều chỉnh tăng thêm). Các cơ quan, đơn vị chủ động trình cấp có thẩm quyền phê duyệt tiền lương, phụ cấp tăng thêm để có cơ sở trình cấp kinh phí kịp thời. Đồng thời hoàn trả nguồn kinh phí đã tạm ứng khi được ngân sách nhà nước cấp bổ sung.

6. Kinh phí thực hiện kế hoạch cải cách hành chính

Căn cứ kế hoạch thực hiện chương trình cải cách hành chính năm 2018 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, các cấp, các ngành, các đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Nội vụ thẩm tra nhiệm vụ; gửi Sở Tài chính (nhiệm vụ chi thường xuyên), Sở Kế hoạch và Đầu tư (nhiệm vụ chi đầu tư XD CB) thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

7. Các chế độ, chính sách phụ cấp đã bố trí trong dự toán của các cấp, các ngành, các đơn vị, gồm:

a) Kinh phí thực hiện Thông báo số 13-TB/TW ngày 28/3/2011 của Bộ Chính trị về việc sửa đổi những bất hợp lý về tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, đoàn thể, chính trị - xã hội; Chế độ phụ cấp công vụ theo Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012 của Chính phủ và chế độ thù lao đối với người nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách đứng đầu hội đặc thù cấp tỉnh theo Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ: đã tính toán và bố trí đảm bảo nhu cầu trong dự toán các cấp, các ngành, các đơn vị. Đối với các hội đặc thù cấp huyện: đã bố trí vào dự toán đầu năm của cấp huyện để hỗ trợ một phần kinh phí hoạt cho các hội thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao;

b) Kinh phí chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương:

- Đối với các cơ quan, tổ chức được ngân sách nhà nước cấp kinh phí, sử dụng trong nguồn kinh phí dự toán đã được giao. Riêng đối với các đảng bộ, chi bộ cơ sở thuộc các đảng bộ xã, phường, thị trấn được ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chênh lệch giữa Quyết định số 99-QĐ/TW và Quyết định số 84-QĐ/TW, đã được cân đối trong dự toán chi của ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Đối với các doanh nghiệp do nhà nước nắm cổ phần chi phối được hạch toán vào chi phí của đơn vị.

- Đối với các đảng bộ, chi bộ cơ sở ngoài doanh nghiệp nhà nước được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ kinh phí qua Đảng ủy cấp trên trực tiếp.

c) Kinh phí thực hiện Quyết định số 33/2014/QĐ-TTg ngày 28/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Quy định chế độ hỗ trợ sinh hoạt phí đối với Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh và cấp huyện: đã được tính toán và bố trí trong dự toán các đơn vị;

d) Kinh phí chi trả phụ cấp cho cán bộ lâm nghiệp xã (đã bố trí trong dự toán của Chi cục Kiểm lâm);

đ) Kinh phí hỗ trợ thu nhập cho cán bộ, công chức chuyên trách Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh;

Điều 13. Chi ngân sách xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã)

1. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện về giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách, gửi Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch làm căn cứ thanh toán và kiểm soát chi.

Việc quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của cấp xã thực hiện theo quy định tại Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và tại quyết định này.

2. Dự toán chi ngân sách xã đã cân đối kinh phí thực hiện các khoản chi: Lương hưu và BHYT cho cán bộ xã nghỉ hưu theo Nghị định số 73/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ; chế độ phụ cấp công vụ theo Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012 của Chính phủ; Kinh phí chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Nghệ An nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm theo Quyết định số 4719/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Chi thực hiện Luật Dân quân, tự vệ (trừ trang phục); chi thực hiện Pháp lệnh công an xã (trừ trang phục); sinh hoạt phí HĐND xã; tiền lương cho cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo các nghị định của Chính phủ: Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 và số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; chế độ khoán phụ cấp cán bộ không chuyên trách theo Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị định 29/2013/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ, chế độ sinh hoạt phí Thường vụ xã và 6 trưởng đoàn thể thôn, xóm, bản theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chi hỗ trợ đối với cộng tác viên kiêm nhiệm làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em ở xóm, khối, bản theo Quyết định số 34/2012/QĐ-UBND ngày 23/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh; chi hoạt động của chi bộ trực thuộc theo Quyết định số 99-QĐ/TW; chi khuyến học; trung tâm học tập cộng đồng; và các khoản phụ cấp khác theo quy định của nhà nước. BHXH, BHYT, KPCĐ cho cán bộ, công chức xã, đại biểu HĐND xã không thuộc diện hưởng lương từ ngân sách được tính bằng mức năm 2016; Kinh phí Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa Khu dân cư thực hiện theo Thông tư liên tịch số 144/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/9/2014 của Bộ Tài chính – Bộ Văn hóa,

Thể thao và Du lịch, Nghị quyết số 198/2015/NQ-HĐND ngày 20/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chi hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân theo Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện không được bố trí dự phòng ngân sách cấp xã thấp hơn so với dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh giao và Sở Tài chính thông báo.

4. Bộ phận Tài chính - kế toán xã, phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và Kho bạc nhà nước nơi giao dịch thực hiện công tác kế toán, lập báo cáo kế toán chi ngân sách xã theo chế độ hiện hành.

5. Thực hiện điểm e, khoản 3, điều 11, mục 2, chương II tại Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn, phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện có trách nhiệm thẩm tra phân bổ dự toán ngân sách cấp xã, trường hợp dự toán phân bổ chưa phù hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành Nghị quyết điều chỉnh dự toán theo kết quả thẩm tra, đồng thời gửi Kho bạc nhà nước cùng cấp để phối hợp điều chỉnh dự toán cấp 0 trên hệ thống Tabmis.

Việc thẩm tra phân bổ dự toán ngân sách cấp xã theo quy định trên của phòng Tài chính - kế hoạch phải hoàn thành chậm nhất trước ngày 31 tháng 3 của năm thực hiện dự toán.

Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Kho bạc nhà nước cùng cấp để thực hiện việc điều chỉnh dự toán ngân sách cấp xã kịp thời và đúng quy định.

Điều 14. Chấp hành ngân sách nhà nước

1. Phân bổ dự toán ngân sách và tổ chức điều hành ngân sách

a) Phân bổ và giao dự toán chi ngân sách

- Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018. Dự toán chi thường xuyên năm 2018 đã bao gồm tiền lương, phụ cấp với mức lương cơ sở 1.300.000 đồng, các khoản trích nộp, đóng góp theo quy định.

- Trong quá trình quyết định phân bổ dự toán thu, chi ngân sách, trường hợp Hội đồng nhân dân quyết định dự toán thu ngân sách cấp mình được hưởng theo chế độ quy định cao hơn mức cấp trên giao, thì dự toán chi bố trí tăng thêm tương ứng (không kể tăng chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất), sau khi dành 50% thực hiện cải cách tiền lương theo quy định, phần còn lại ưu tiên để thực hiện những nhiệm vụ, chế độ, chính sách quan trọng được cấp có thẩm quyền quyết định, xử lý thanh toán nợ khối lượng xây dựng cơ bản theo chế độ quy định, bổ sung dự phòng ngân sách cấp mình để chủ động trong quá trình điều hành ngân sách.

- Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán ngân sách, các Sở, ngành, các đơn vị dự toán cấp I tiến hành phân bổ và giao dự toán chi ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc. Phương án phân bổ dự toán ngân sách của các cơ quan nhà nước và đơn vị dự toán cấp I trước khi giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc phải gửi cho cơ quan Tài chính cùng cấp để thẩm định.

- Thực hiện ứng dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (Tabmis), do vậy, ngoài các nội dung phân bổ, giao dự toán tại quy định này, các ngành, các cấp và các đơn vị tham gia Tabmis có trách nhiệm thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 107/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung một số điểm về quản lý, điều hành ngân sách nhà nước.

b) Giao dự toán, cấp phát, thanh toán và quyết toán các khoản chi kinh phí uỷ quyền

- Khi thực hiện phân bổ và giao kinh phí uỷ quyền, cơ quan uỷ quyền coi cơ quan cấp dưới được uỷ quyền là đơn vị dự toán đặc biệt và thực hiện phân bổ, giao dự toán như đối với các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc; đồng thời gửi Ủy ban nhân dân cùng cấp với cơ quan được uỷ quyền biết để phối hợp chỉ đạo thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí uỷ quyền đúng mục đích, đúng chế độ quy định.

- Việc chi trả, thanh toán các khoản kinh phí uỷ quyền được thực hiện theo hình thức rút dự toán nếu là uỷ quyền về kinh phí thường xuyên và cấp phát, thanh toán vốn đầu tư nếu là uỷ quyền về vốn đầu tư. Khi cấp phát, thanh toán các khoản kinh phí uỷ quyền, thực hiện hạch toán vào chương và cấp ngân sách của đơn vị uỷ quyền.

- Kho bạc nhà nước và đơn vị được uỷ quyền thực hiện kế toán, báo cáo riêng các khoản chi về kinh phí uỷ quyền. Đơn vị được uỷ quyền thực hiện báo cáo quyết toán kinh phí trực tiếp với đơn vị uỷ quyền; đơn vị uỷ quyền xét duyệt và tổng hợp chung vào quyết toán ngân sách của mình theo quy định.

c) Quản lý nhà nước đối với tài sản công

Thực hiện theo Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản khác có liên quan.

d) Mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung:

Thực hiện mua sắm tài sản nhà nước theo danh mục tại Quyết định 3164/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục tài sản mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Hướng dẫn số 2717/HD-STC ngày 28/9/2016 của Sở Tài chính và các văn bản liên quan.

đ) Tổ chức điều hành ngân sách

- Trên cơ sở nhiệm vụ thu cả năm được giao và nguồn thu dự kiến phát sinh trong quý, cơ quan thu lập dự toán thu ngân sách quý gửi cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 20 tháng cuối quý trước.

- Cơ quan tài chính căn cứ vào khả năng nguồn thu và nhu cầu chi trong quý, lập phương án điều hành ngân sách quý của cấp mình bảo đảm nguồn để chi trong dự toán, đúng chế độ. Riêng tiền sử dụng đất, phân bổ trí chi đầu tư phát triển điều hành như sau:

+ Phần ngân sách tỉnh hưởng:

Về kinh phí bồi thường GPMB, chi XDCB: căn cứ tiến độ thu tiền sử dụng đất, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết kinh phí cho các dự án của tỉnh.

Về trả nợ gốc: Căn cứ thời hạn trả nợ để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết kinh phí trả nợ.

Trong quá trình thực hiện nếu thu tiền sử dụng đất không đạt tiến độ dự toán, giao Sở Tài chính tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh điều chỉnh giảm vốn chi XDCB, chi trả nợ gốc, vốn bồi thường GPMB đã bố trí từ nguồn tiền sử dụng đất giảm tương ứng.

+ Phần ngân sách cấp huyện hưởng: Phòng Tài chính - Kế hoạch căn cứ vào tiến độ thu tiền sử dụng đất để thông báo và nhập nguồn trên Hệ thống Tabmis cho các công trình dự án theo đúng tiến độ thu ngân sách, đảm bảo cân đối với phần vốn mà ngân sách cấp huyện hưởng. Trong quá trình thực hiện nếu thu tiền sử dụng đất không đạt tiến độ dự toán, Phòng tài chính - Kế hoạch trình UBND cấp huyện thống nhất với Thường trực HĐND cùng cấp để điều chỉnh giảm vốn chi XDCB đã bố trí từ nguồn tiền sử dụng đất giảm tương ứng.

+ Phần ngân sách cấp xã hưởng: Ban Tài chính căn cứ vào tiến độ thu tiền sử dụng đất gửi Kho bạc nhà nước cấp huyện nhập nguồn trên Hệ thống Tabmis cho các công trình dự án theo đúng tiến độ thu ngân sách, đảm bảo cân đối với phần vốn mà ngân sách xã hưởng. Trong quá trình thực hiện nếu thu tiền sử dụng đất không đạt tiến độ dự toán, Ban Tài chính báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Thường trực HĐND cùng cấp để điều chỉnh giảm vốn chi XDCB đã bố trí từ nguồn tiền sử dụng đất giảm tương ứng.

Giao Sở Tài chính cân đối phần ngân sách tỉnh hưởng tiền sử dụng đất để điều hành các nhiệm vụ theo tỷ lệ các nguồn vốn đã phân bổ.

- Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước năm được giao và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi của đơn vị theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, cơ quan tài chính và Kho bạc nhà nước thực hiện chi trả, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước theo nguyên tắc, chế độ hiện hành.

Dự toán giao cho các ngành, các đơn vị cấp tỉnh đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên và một phần nguồn thu ngân sách để thực hiện nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

e) Các chế độ chính sách Trung ương ban hành nhưng chưa được Trung ương tính toán, cân đối trong dự toán năm 2018

Giao các ngành phối hợp với Sở Tài chính và các ngành có liên quan báo cáo bộ chủ quản, Bộ Tài chính bổ sung kinh phí và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ khi liên bộ đã duyệt bổ sung kinh phí. Cụ thể:

- Kinh phí đối ứng thực hiện Quyết định 58/2008/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích: giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì;

- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phẫu thuật tim cho trẻ bị tim bẩm sinh theo Quyết định số 55a/2013/QĐ-TTg ngày 04/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ: giao cho Sở Y tế chủ trì;

- Kinh phí thực hiện chính sách Khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất gắn tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn theo Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25/10/2013 của Chính phủ: giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì;

- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Nghị định số 68/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ: giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì;

- Kinh phí thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản: giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì;

- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ: giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì;

- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ: giao Sở Xây dựng chủ trì;

- Kinh phí trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh theo Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ: giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì;

- Kinh phí thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/03/2015 của Chính phủ về quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội: giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

2. Chấp hành ngân sách nhà nước trong điều kiện có biến động về thu, chi ngân sách địa phương

Trường hợp số thu ngân sách không đạt dự toán được Hội đồng nhân dân quyết nghị, Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp điều chỉnh giảm một số khoản chi ngân sách tương ứng, dành nguồn dự phòng Ngân sách địa phương và sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương để bù đắp. Sau khi đã thực hiện điều chỉnh giảm một số khoản chi tương ứng và sử dụng các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của địa phương mà chưa bảo đảm được cân đối ngân sách địa phương thì báo cáo ngân sách cấp trên hỗ trợ ngân sách cấp dưới theo khả năng của ngân sách cấp trên.

3. Sử dụng số vượt thu so với dự toán được giao

Cơ quan tài chính chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phương án sử dụng, thống nhất ý kiến với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp trước khi thực hiện.

4. Điều hành bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu

a) Chi bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới và bổ sung tiền lương tăng thêm

- Căn cứ dự toán bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được cấp có thẩm quyền giao và đã nhập vào hệ thống tabmis; căn cứ nhu cầu thực hiện nhiệm vụ chi, hàng tháng cơ quan Tài chính cấp dưới chủ động rút dự toán tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch;

- Mức rút dự toán hàng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ mức rút dự toán có thể cao hơn mức bình quân trên, song tổng mức rút dự toán cả quý I không được vượt quá 30% dự toán năm;

- Trường hợp đặc biệt cần tăng tiến độ rút dự toán, UBND cấp dưới phải có văn bản đề nghị UBND cấp trên xem xét, quyết định;

- Trường hợp ngân sách cấp dưới được ứng trước từ ngân sách cấp trên, cần phải thu hồi trong dự toán bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới năm 2018, Sở Tài chính, phòng Tài chính – Kế hoạch thông báo cho Kho bạc nhà nước trừ số thu hồi vào dự toán đầu năm đã giao cho địa phương; phần dự toán còn lại chia đều trong năm để rút.

- Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 15 của tháng sau, Kho bạc nhà nước tỉnh, huyện thực hiện tổng hợp, báo cáo cơ quan Tài chính đồng cấp về kết quả rút dự toán chi bổ sung cân đối của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trong tháng trước.

b) Đối với vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới (bao gồm cả bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán, trừ bổ sung tiền lương tăng thêm).

Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, trên cơ sở xem xét hồ sơ thủ tục theo quy định hiện hành, cơ quan Tài chính thông báo bổ sung ngoài dự toán cho Ủy ban nhân dân và phòng Tài chính - Kế hoạch cấp dưới (ngân sách cấp sử dụng). Căn cứ vào thông báo của cơ quan Tài chính cấp trên, cơ quan Tài chính cấp dưới (Ủy ban nhân dân cấp xã nếu ngân sách cấp sử dụng là cấp xã) thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch. Mức rút dự toán tối đa không quá mức bổ sung theo thông báo của cơ quan Tài chính cấp trên.

5. Ứng trước dự toán ngân sách năm sau

Việc chi ứng trước ngân sách năm trước cho năm sau do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định và chịu trách nhiệm thu hồi các khoản chi ứng trước ngân sách.

Thực hiện việc ứng trước dự toán chi đầu tư XD CB của năm sau phải đảm bảo theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và văn bản hướng dẫn Luật ngân sách nhà nước. Cụ thể là các dự án, công trình quốc gia và công trình XD CB, đủ điều kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng, thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cần đẩy nhanh tiến độ; không còn số dư ứng trước dự toán ngân sách;...

6. Bố trí nguồn thực hiện cải cách tiền lương

Căn cứ vào dự toán ngân sách năm 2018 được giao, các huyện, thành phố, thị xã, phường, thị trấn, các ngành, các đơn vị dự toán bố trí nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2018 như sau:

a) Sử dụng 50% vượt thu ngân sách các cấp thực hiện năm 2017 so với dự toán 2017 Ủy ban nhân dân tỉnh giao và dành 50% tăng thu thực hiện năm 2018 so với dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh giao năm 2018 (không kể tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết);

b) Nguồn 10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên năm 2018 (trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương) của các ngành, các huyện, thành phố, thị xã, các đơn vị đã được tính trừ trong dự toán chi ngân sách năm 2018;

c) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2018 sau khi trừ chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác thu nhưng chưa được ngân sách nhà

nước đảm bảo kinh phí (riêng ngành y tế sử dụng tối thiểu 35%); trong đó chú ý một số khoản thu sau:

- Đối với học phí học sinh chính quy học các trường công lập: 40% số thu để thực hiện chế độ cải cách tiền lương được tính trên toàn bộ số thu học phí của học sinh;

- Đối với học phí từ các hoạt động đào tạo tại chức, liên doanh liên kết, các hoạt động đào tạo khác của các trường công lập: 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên toàn bộ số thu học phí từ các hoạt động trên sau khi loại trừ các chi phí liên quan;

- Đối với số thu dịch vụ, các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác của đơn vị sự nghiệp (ngoài khoản thu theo Luật phí và lệ phí): 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên toàn bộ số thu của các hoạt động trên sau khi trừ các chi phí liên quan.

d) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương từ năm 2017 trở về trước chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2018 (nếu có);

e) Đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên, các cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện tự chủ theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017: Đơn vị được quyết định tỷ lệ nguồn thu năm 2018 phải trích lập để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương và tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị, bao gồm cả nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2017 chưa sử dụng (nếu có).

7. Xử lý kinh phí đột xuất

Trong 6 tháng đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh không xử lý bổ sung kinh phí đột xuất chi thường xuyên cho các ngành, các cấp, các đơn vị. Khi phát sinh các nhiệm vụ mới, yêu cầu các cấp, các ngành, các đơn vị tự sắp xếp trong dự toán được giao. Sau khi tự sắp xếp để thực hiện nhiệm vụ trên mà kinh phí vẫn không đảm bảo được thì đến tháng 7 năm 2018 có văn bản đề xuất gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét; Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Tài chính tổng hợp nhu cầu và cân đối nguồn đảm bảo để trình UBND tỉnh xem xét quyết định, không xử lý riêng lẻ (trừ các trường hợp bổ sung về tiền lương, phụ cấp, các chính sách về an sinh xã hội và các trường hợp đột xuất cấp bách khác).

8. Kinh phí chi thường xuyên thực hiện các đề án, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt

Yêu cầu các Sở, ban, ngành, các cấp đối chiếu với chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được giao quản lý nhà nước để thực hiện; Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xử lý kinh phí hỗ trợ thêm một số đơn vị ngoài phạm vi chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước. Dự toán chi thường xuyên thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo từng cơ

quan, đơn vị đã được đảm bảo theo định mức chi thường xuyên trên biên chế quản lý nhà nước. Vì vậy, khi thực hiện các đề án, các kế hoạch triển khai của Ủy ban nhân dân tỉnh, yêu cầu các đơn vị tự sắp xếp trong dự toán chi thường xuyên đã giao cho đơn vị cũng như chức năng, nhiệm vụ để thực hiện các đề án, các kế hoạch.

9. Xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm

Thực hiện theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn khác của Bộ Tài chính (nếu có), hướng dẫn liên ngành Sở Tài chính - Kho bạc nhà nước tỉnh.

a) Các khoản thu được để lại đơn vị chi, thực hiện ghi thu - ghi chi qua ngân sách nhà nước theo quy định

Các khoản thu được để lại đơn vị chi, thực hiện ghi thu - ghi chi qua ngân sách nhà nước (tiền đầu tư hạ tầng các khu đất đấu giá, tiền thuê đất,...) thực hiện theo đúng các văn bản quy định hiện hành. Việc ghi thu - ghi chi được thực hiện, tổng hợp theo từng cấp ngân sách. Đơn vị dự toán cấp I hướng dẫn, phê duyệt các khoản ghi thu - ghi chi của đơn vị dự toán trực thuộc, gửi cơ quan tài chính đồng cấp để thực hiện ghi thu - ghi chi qua ngân sách nhà nước. Thời hạn cơ quan tài chính hoàn thành thủ tục gửi Kho bạc nhà nước chậm nhất hết ngày 30/01 năm sau.

b) Xử lý số dư dự toán ngân sách

- Về nguyên tắc, không xét chuyển số dư dự toán sang ngân sách năm sau. Việc chuyển chi sang năm sau chỉ thực hiện đối với các trường hợp được chuyển sang ngân sách năm sau chi tiếp theo chế độ quy định (không phải xét chuyển), các khoản chi được tiếp tục chi trong năm sau theo quyết định của Chủ tịch UBND các cấp. Thời hạn gửi hồ sơ đề nghị xét chuyển chi sang năm sau đến cơ quan tài chính trước ngày 10/02 năm sau, cơ quan tài chính tổng hợp trình Chủ tịch UBND các cấp xét chuyển xong trước ngày 01/3 năm sau (không xét chuyển các trường hợp riêng lẻ).

- Đối với ngân sách cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản gửi Kho bạc nhà nước nơi giao dịch chậm nhất đến hết ngày 15/02 năm sau.

- Hết ngày 15/3 năm sau, các trường hợp không có văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp nhận cho chuyển số dư dự toán sang ngân sách năm sau chi tiếp thì số dư dự toán bị huỷ bỏ.

- Số dư dự toán sau khi chuyển sang dự toán năm sau, khi sử dụng, hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm sau theo chế độ quy định.

c) Quyết toán ngân sách nhà nước

Đơn vị dự toán cấp trên duyệt quyết toán của đơn vị cấp dưới. Kết thúc duyệt quyết toán năm đơn vị xét duyệt phải ra thông báo đối với dự toán cấp dưới. Đối với đơn vị dự toán cấp I gửi đơn vị dự toán cấp dưới và gửi cơ quan Tài chính cùng cấp. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp trên phải chịu trách nhiệm về kết quả xét duyệt quyết toán theo luật định.

Thời hạn xét duyệt, thẩm định và phê chuẩn quyết toán ngân sách năm quy định như sau:

- Đối với đơn vị dự toán ngân sách:

Thời hạn quyết toán năm của đơn vị dự toán cấp II, cấp III, cấp IV do đơn vị dự toán cấp I quy định nhưng phải bảo đảm thời gian để đơn vị dự toán cấp I xem xét duyệt, tổng hợp, lập, gửi cơ quan Tài chính cùng cấp trước ngày 30/4 năm sau (đối với cấp tỉnh), trước ngày 30/3 năm sau (đối với cấp huyện);

- Bộ phận Tài chính - Kế toán xã có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách cấp xã trình UBND xã xem xét gửi phòng Tài chính - Kế hoạch huyện đồng thời trình HĐND xã, phê chuẩn;

- Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố, thị xã thẩm định quyết toán ngân sách cấp xã và các đơn vị dự toán cấp huyện; lập quyết toán thu, chi ngân sách cấp huyện; tổng hợp, lập báo cáo thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện và quyết toán thu, chi ngân sách huyện (bao gồm cả thu, chi cấp huyện và cấp xã), gửi UBND huyện xem xét gửi Sở Tài chính để thẩm định, đồng thời trình HĐND huyện để phê chuẩn trước ngày 30/6 năm sau;

- Sở Tài chính có trách nhiệm: lập quyết toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh; tổng hợp lập quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét gửi Bộ Tài chính, đồng thời trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn trước ngày 31/12 năm sau.

Điều 15. Điều hành ngân sách dự phòng

1. Các cấp chính quyền địa phương được bố trí khoản dự phòng tối thiểu 2% trên tổng chi của ngân sách mỗi cấp (không tính các khoản ghi thu - ghi chi, các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các khoản chi ngoài định mức được quản lý theo đối tượng,...) và được cơ quan tài chính trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định sử dụng. Hàng quý, cơ quan tài chính các cấp tổng hợp tình hình sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp mình báo cáo Chủ tịch UBND, Thường trực HĐND cùng cấp.

2. Dự phòng ngân sách được sử dụng các nhiệm vụ sau:

a) Chi phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng - an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được bố trí trong dự toán;

b) Hỗ trợ ngân sách cấp dưới để xử lý các nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này, sau khi cấp dưới đã sử dụng dự phòng của cấp mình để thực hiện nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu;

c) Hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng.

3. Trong 6 tháng đầu năm, chỉ xem xét, xử lý dự phòng ngân sách tỉnh phục vụ những nhiệm vụ có nhu cầu về kinh phí lớn để phòng chống, khắc phục hậu quả dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn lớn xảy ra, những nhiệm vụ quốc phòng - an ninh thực sự quan trọng, các nhiệm vụ cấp thiết, cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán.

Các đơn vị có nhiệm vụ chi đột xuất phát sinh trước hết phải sắp xếp lại các nhiệm vụ chi trong dự toán được giao, sử dụng dự phòng ngân sách của cấp huyện, của ngành, kinh phí sự nghiệp, kinh phí phân bổ sau của các ngành. Ủy ban nhân dân tỉnh không xem xét, xử lý kinh phí đột xuất trong 6 tháng đầu năm, từ tháng 7 trở đi Ủy ban nhân dân tỉnh mới xem xét, xử lý kinh phí đột xuất đối với những nhiệm vụ tăng thêm trong năm do Ủy ban nhân dân tỉnh giao khi các nguồn kinh phí đã phân bổ cho đơn vị đã sử dụng hết hoặc không bố trí sắp xếp được.

Giao Sở Tài chính theo định kỳ tổng hợp các nhu cầu chi đột xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Hội đồng tài chính xem xét giải quyết.

Giám đốc Sở Tài chính được ủy quyền giải quyết kinh phí dự phòng ngân sách tỉnh cho những nội dung chi cần thiết từ 10 triệu đồng trở xuống cho một đơn vị (mỗi đơn vị chỉ được giải quyết một lần) và định kỳ hàng Quý tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng

Các ngành, các cấp, các đơn vị phải thực hiện nghiêm túc Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Chủ động rà soát, đối chiếu các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến các quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành; bãi bỏ các quy định không phù hợp trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý, trọng tâm tập trung vào rà soát, lập danh mục các định mức, tiêu chuẩn, chế độ, định mức kinh tế - kỹ thuật còn thiếu hoặc không phù hợp trong các lĩnh vực chuyên ngành.

Đồng thời xử lý kịp thời, đầy đủ những sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách nhà

nước trong quản lý điều hành ngân sách khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách sai chế độ, chính sách.

Điều 17. Thực hiện công khai tài chính, công khai tài sản nhà nước

Các cấp ngân sách, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và các khoản đóng góp của nhân dân phải thực hiện công khai tài chính, công khai tài sản.

1. Các cấp ngân sách thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

2. Các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện việc công bố công khai theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

3. Các cơ quan, đơn vị được sử dụng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân thực hiện công khai theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11/3/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.

5. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng tài sản nhà nước thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 89/2010/TT-BTC ngày 16/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

6. Đối với các khoản hỗ trợ trực tiếp của nhà nước đối với cá nhân, dân cư việc công khai được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19/6/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính về hướng dẫn quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước đối với cá nhân dân cư.

7. UBND các huyện, thành phố, thị xã, các Sở, ngành cấp tỉnh và các đơn vị dự toán cấp I, tổ chức được ngân sách hỗ trợ thực hiện công khai các nội dung liên quan trên trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc thực hiện bằng một số hình thức được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 của Luật NSNN năm 2015 đối với các đơn vị chưa có trang thông tin điện tử.

Đồng thời các cấp, các đơn vị sử dụng ngân sách phải thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện quy chế công khai và gửi cơ quan tài chính để tổng hợp theo dõi đánh giá chung trong tỉnh theo chế độ quy định.

Điều 18. Kiểm soát chi ngân sách nhà nước

Các ngành, các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện trong phạm vi dự toán ngân sách được giao; cơ quan Tài chính, Kho bạc nhà nước tổ chức điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Việc kiểm soát các khoản chi NSNN qua Kho bạc nhà nước thực hiện theo đúng Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012, Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

Điều 19. Quản lý, kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước

Các đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước (trừ ngân sách cấp xã), cơ quan tài chính và các đơn vị Kho bạc nhà nước thực hiện việc quản lý, kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước theo đúng quy định tại Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27/11/2008, Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc Nhà nước (tabmis).

Trong quá trình thực hiện kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước, trường hợp đơn vị có vi phạm quy định về điều kiện chi ngân sách nhà nước thì Kho bạc nhà nước sẽ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Kho bạc nhà nước theo quy định tại Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước và Thông tư số 54/2014/TT-BTC ngày 24/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc nhà nước theo quy định tại Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới đó.

2. HĐND - UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ các nội dung tại quy định này, các chế độ, chính sách hiện hành và điều kiện thực tiễn của địa phương, xây dựng phương án quản lý, điều hành ngân sách cụ thể của cấp ngân sách, của đơn vị. Quản lý, sử dụng có hiệu quả kinh phí, tài sản được giao, phục vụ có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

3. Giao Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra việc thực hiện phân bổ, giao dự toán và tổ chức triển khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 của các huyện, thành phố, thị xã; Đảm bảo đúng quy định của Luật NSNN, Nghị quyết kỳ họp thứ 5- Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Các cấp, các ngành tăng cường công tác tự kiểm tra; đẩy mạnh các hoạt động thanh tra tài chính nhằm kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh các sai phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản và thực hiện chế độ kế toán thống kê.

5. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các đơn vị thụ hưởng ngân sách nhà nước trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức triển khai nghiêm túc các nội dung quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cấp, các ngành phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính tổng hợp) để xem xét, giải quyết kịp thời./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Đường